



PHIẾU HỌC TẬP

CUỐI TUẦN 20. Mã 3.20.0.2

Ngàytháng.....năm

Họ và tên: Lớp :.....

1

Viết số với cách đọc tương ứng

Cách đọc	Viết số
Sáu nghìn hai trăm bốn mươi một	
Tám nghìn không trăm linh một	
Một nghìn một trăm mười bốn	
Chín nghìn hai trăm bốn mươi	
Chín nghìn chín trăm	

3

Viết các số thành tổng (theo mẫu)

Mẫu

$$7452 = 7000 + 400 + 50 + 2$$

$$2106 = 2000 + 100 + 6$$

$$9625 = \dots + \dots + \dots + \dots$$

$$4634 = \dots + \dots + \dots + \dots$$

$$8888 = \dots + \dots + \dots + \dots$$

$$1009 = \dots + \dots$$

$$5030 = \dots + \dots$$

$$3700 = \dots + \dots$$

3

Điền dấu thích hợp ($>$, $=$, $<$) vào ô trống

5430

7110

4998

4899

 $2000 + 100$

2100

4

Số ?

Số liền trước

Số đã cho

Số liền sau

2658

5001

3499

7400

5

Viết các số tròn trăm lớn hơn 9500 và bé hơn 10000 theo thứ tự từ lớn đến bé

Viết các số tròn chục lớn hơn 5520 và bé hơn 5570 theo thứ tự từ bé đến lớn

6

Tìm số có bốn chữ số sao cho chữ số hàng chục gấp đôi chữ số hàng đơn vị, chữ số hàng trăm gấp đôi chữ số hàng chục, chữ số hàng nghìn gấp đôi chữ số hàng trăm.

Số cần tìm là: